

TOÁN 4 – BÀI 26: LUYỆN TẬP CHUNG

Họ và tên:

Lớp:

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Hai số có tổng là 52 505 và hiệu là 9837. Cặp số nào dưới đây là hai số cần tìm?

- A. Số bé là 21 325; số lớn là 31 180. B. Số bé là 21 334; số lớn là 31 171.
C. Số bé là 42 668; số lớn là 62 342. D. Số bé là 21 340; số lớn là 31 177.

Câu 2. Bảng sau cho biết số cây trồng được ở khu phía đông và khu phía tây của bốn đội.

Đội	Khu phía đông	Khu phía tây
Đội 2	249 060 009	249 040 405
Đội 3	137 807 525	360 265 016
Đội 1	496 003 515	1 802 001
Đội 4	353 203 312	32 430 804

Chọn hàng có tổng hai số liệu lớn nhất.

- A. Đội 3 B. Đội 2 C. Đội 4 D. Đội 1

Câu 3. Trong tổng $3800 + 70\,488 + 400$, có thể đổi chỗ và nhóm các số hạng. Chọn cách nhóm giúp tính thuận tiện nhất.

- A. $(3800 + 70\,488) + 400$ B. $3800 + 70\,488 + 400$
C. $3800 + (70\,488 + 400)$ D. $(3800 + 400) + 70\,488$

Câu 4. Hai số có tổng là 40 478 và hiệu là 22 870. Cặp số nào dưới đây là hai số cần tìm?

- A. Số bé là 8816; số lớn là 31 686. B. Số bé là 8804; số lớn là 31 674.
C. Số bé là 17 608; số lớn là 63 348. D. Số bé là 8793; số lớn là 31 685.

Câu 5. Em hãy chọn số bé nhất trong các số tự nhiên sau: 615 994 985; 737 413 283; 815 495 905; 515 625 556.

- A. 815 495 905 B. 515 625 556 C. 737 413 283 D. 615 994 985

Câu 6. Trong tổng $1\,030\,000 + 735\,116 + 170\,000$, có thể đổi chỗ và nhóm các số hạng. Chọn cách nhóm giúp tính thuận tiện nhất.

- A. $1\,030\,000 + 735\,116 + 170\,000$ B. $1\,030\,000 + (735\,116 + 170\,000)$
C. $(1\,030\,000 + 735\,116) + 170\,000$ D. $(1\,030\,000 + 170\,000) + 735\,116$

Câu 7. Biết tổng hai số là 5503 và hiệu hai số là 851. Bạn An cho rằng số bé là 2326, số lớn là 3177. Cần chọn cách kiểm tra nào để biết cặp số đó thỏa cả tổng và hiệu?

- A. Kiểm tra bằng tổng và hiệu đã cho: $5503 + 851 = 6354$ và $5503 - 851 = 4652$.
B. Kiểm tra cả hai phép tính: $2326 + 3177 = 5503$ và $3177 - 2326 = 851$.
C. Kiểm tra tổng và trừ ngược thứ tự: $2326 + 3177 = 5503$ và $2326 - 3177 = 851$.
D. Chỉ kiểm tra tổng: $2326 + 3177 = 5503$.

Câu 8. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 718 391 832; 996 887 430; 281 088 044; 718 390 549. Dãy nào đúng?

- A. 996 887 430; 718 391 832; 718 390 549; 281 088 044
- B. 281 088 044; 718 390 549; 718 391 832; 996 887 430
- C. 996 887 430; 718 390 549; 718 391 832; 281 088 044
- D. 718 390 549; 281 088 044; 718 391 832; 996 887 430

Câu 9. Hai số có tổng là 42 897 và hiệu là 35 713. Cặp số nào dưới đây là hai số cần tìm?

- A. Số bé là 3592; số lớn là 39 305.
- B. Số bé là 7184; số lớn là 78 610.
- C. Số bé là 3578; số lớn là 39 319.
- D. Số bé là 3583; số lớn là 39 296.

Câu 10. Một bài toán có tổng hai số là 22 860, hiệu hai số là 2566. Cặp số được đề xuất là số bé 10 147 và số lớn 12 713. Chọn phép tính kiểm tra đúng cặp số này.

- A. Kiểm tra bằng tổng và hiệu đã cho: $22\,860 + 2566 = 25\,426$ và $22\,860 - 2566 = 20\,294$.
- B. Kiểm tra tổng và trừ ngược thứ tự: $10\,147 + 12\,713 = 22\,860$ và $10\,147 - 12\,713 = 2566$.
- C. Kiểm tra cả hai phép tính: $10\,147 + 12\,713 = 22\,860$ và $12\,713 - 10\,147 = 2566$.
- D. Chỉ kiểm tra tổng: $10\,147 + 12\,713 = 22\,860$.

Câu 11. Trong tổng $110\,000 + 50\,184 + 160\,000$, có thể đổi chỗ và nhóm các số hạng. Chọn cách nhóm giúp tính thuận tiện nhất.

- A. $(110\,000 + 50\,184) + 160\,000$
- B. $110\,000 + (50\,184 + 160\,000)$
- C. $(110\,000 + 160\,000) + 50\,184$
- D. $110\,000 + 50\,184 + 160\,000$

Câu 12. Cho phép cộng $5\,119\,091 + 807\,345$. Quan sát bốn hình đặt tính dưới đây và chọn hình đặt tính đúng.

$\begin{array}{r} 5119091 \\ + 807345 \\ \hline 5926436 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5119091 \\ + 807345 \\ \hline 13192541 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5119091 \\ + 807345 \\ \hline 51998255 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5119091 \\ + 807345 \\ \hline 5926436 \end{array}$
Hình 1	Hình 2	Hình 3	Hình 4

- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Hình 4

Câu 13. Cho hai số có tổng là 35 379 và hiệu là 349. Chọn lời giải đúng.

- A. Tìm số bé: $(35\,379 + 349): 2 = 17\,864$; tìm số lớn: $17\,864 + 349 = 18\,213$.
- B. Tìm số lớn: $(35\,379 - 349): 2 = 17\,515$; tìm số bé: $(35\,379 + 349): 2 = 17\,864$.
- C. Tìm số bé: $(35\,379 - 349): 2 = 17\,515$; tìm số lớn: $(35\,379 + 349): 2 = 17\,864$.
- D. Tìm số bé: $35\,379 - 349 = 35\,030$; tìm số lớn: $35\,379 + 349 = 35\,728$.

Câu 14. Trong tổng $18\,000 + 41\,171 + 22\,000$, có thể đổi chỗ và nhóm các số hạng. Chọn cách nhóm giúp tính thuận tiện nhất.

- A. $18\,000 + 41\,171 + 22\,000$
- B. $18\,000 + (41\,171 + 22\,000)$

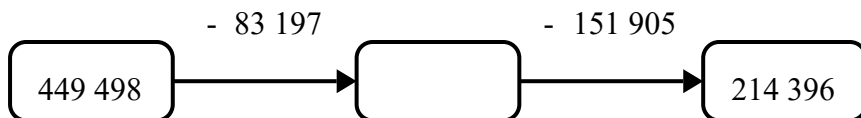
C. $(18\,000 + 22\,000) + 41\,171$

D. $(18\,000 + 41\,171) + 22\,000$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Quan sát mỗi sơ đồ và điền số còn thiếu ở giữa.

a) Điền số còn thiếu trong sơ đồ:



b) Điền số còn thiếu trong sơ đồ:



c) Điền số còn thiếu trong sơ đồ:



d) Điền số còn thiếu trong sơ đồ:



Bài 2. Sắp xếp các số sau theo yêu cầu. Viết các số trong đáp án cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;).

a) Trong một bảng thống kê số sản phẩm của bốn kho hàng, hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 220 763 972; 253 052 935; 476 292 125; 465 071 271. Kết quả:

b) Trong một bảng thống kê lượt xem của bốn video, hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 433 544 982; 42 395 012; 26 826 161; 636 456 670. Kết quả:

c) Trong một bảng thống kê số lượt khách của bốn địa điểm, hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 149 605 758; 496 425 955; 792 459 612; 982 829 567. Kết quả:

d) Trong một bảng thống kê số lượt mượn sách của bốn thư viện, hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 848 432 938; 234 225 450; 340 252 326; 305 437 082. Kết quả:

Bài 3. Giải bài toán sau và trình bày đầy đủ lời giải.

Một nhà sách có 765 978 quyển vở trong kho. Buổi sáng nhà sách bán 432 292 quyển vở, buổi chiều bán tiếp 320 069 quyển vở. Hỏi nhà sách còn lại bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

Bài 4. Dùng tất cả các chữ số đã cho, mỗi chữ số đúng một lần, để lập số theo yêu cầu. Số lập được không bắt đầu bằng chữ số 0.

a) Các chữ số đã cho: 6; 9; 8; 3. Lập số lớn nhất có thể được:

b) Các chữ số đã cho: 4; 6; 1; 0; 7. Lập số lớn nhất có thể được:

c) Các chữ số đã cho: 9; 3; 5; 0. Lập số nhỏ nhất có thể được:

d) Các chữ số đã cho: 1; 9; 3; 6; 7. Lập số nhỏ nhất có thể được:

Bài 5. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $31\ 000 + 170\ 000 + 9\ 000 + 130\ 000 = \dots\dots\dots$

b) $2\,700\,000 + 2\,300\,000 + 1\,519\,063 = \dots\dots\dots$

c) $673\,621\,050 - 673\,571\,050 + 400\,000 + 1\,600\,000 = \dots\dots\dots$

d) $90\,000 + 310\,000 + 110\,000 + 190\,000 = \dots\dots\dots$

Bài 6. Trình bày lời giải đầy đủ cho bài toán sau.

Một nhà sách kiểm kê số vở trong hai kho. Kho thứ nhất và kho thứ hai có tất cả 34 834 quyển vở. Kho thứ nhất có ít hơn kho thứ hai 24 888 quyển vở. Tìm số quyển vở ở mỗi kho.

Bài giải

Bài 7. Trình bày lời giải bài toán sau.

Một sân chơi hình chữ nhật có nửa chu vi là 325m. Chiều dài hơn chiều rộng 45m. Tính diện tích của một sân chơi hình chữ nhật.

Bài giải

---HẾT---

